**PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU**

 **TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II, MÔN ĐỊA LÝ 9**

**NĂM HỌC 2021-2022**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành công nghiêp đa dạng nhất ở Đông Nam Bộ?

**A.** Thủ Dầu Một. **B.** Biên Hòa. **C.** Vũng Tàu. **D.** TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 2**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết mặt nước nuôi trồng thủy sản có diện tích lớn nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 3**: Các trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta là

**A.** Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh - Hải Phòng.

**B.** Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh - Hải Phòng - Quảng Ninh.

**C.** Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh.

**D.** Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh - Hải Phòng - Đà Nẵng.

**Câu 4**: Theo bảng diện tích và sản lượng lúa của nước ta năm 2000 và 2014. Năng suất lúa (tạ/ha) của nước ta năm 2000 và 2014 lần lượt là

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  Năm  | 2000 | 2014 |
| Diện tích ( nghìn ha ) | 7666 | 7813 |
| Sản lượng ( nghìn tấn ) | 32530 | 44975 |

 **A.** 40,5 và 60,2. **B.** 42,4 và 57,6. **C.** 41,7 và 59,4. **D.** 45,8 và 50,8.

**Câu 5**: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự đổi thay to lớn của nông nghiệp nước ta trong những năm Đổi mới là do

**A.** khí hậu thuận lợi. **B.** đường lối đổi mới trong nông nghiệp.

**C.** nông dân cần cù lao động. **D.** đất đai màu mỡ.

**Câu 6**: Mục tiêu của vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

**A.** nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ.

**B.** khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế xã hội.

**C.** đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

**D.** đẩy mạnh đầu tư vốn, công nghệ.

**Câu 7**: Cho bảng số liệu sau. Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa gieo trồng của cá nước, Đồng bằng sông Hồng và Đông bằng sông Cửu Long?



**A.** Đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn Đồng bằng sông Hồng

**B.** Cả nước và Đồng bằng sông Cửu Long đều có xu hướng giảm.

**C.** Cả nước và Đồng bằng sông Hồng đều có xu hướng tăng nhanh.

**D.** Đồng bằng sông Cứu Long vả Đồng bằng sông Hồng đều tăng.

**Câu 8**: Lợn được nuôi nhiều nhất ở đồng bằng sông Hồng vì

**A.** người dân tranh thủ được thời gian nhàn dỗi.

**B.** khí hậu của vùng thích hợp cho nuôi lợn.

**C.** vùng có nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu thực phẩm của người dân lớn.

**D.** người dân có kinh nghệm trong chăn nuôi lợn.

**Câu 9**: Cho bảng số liệu sau. Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất đẻ thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta năm 2010 và năm 2016?

**A.** Biểu đồ miền. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ tròn. **D.** Biểu đồ cột.

**Câu 10**: Phát biểu nào sau đây ***không*** đúng với thành tựu trong sản xuất lương thực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?



**A.** Diện tích lúa cả năm lớn nhất nước ta.

**B.** Bình quân lương thực đầu người cao nhất nước ta.

**C.** Là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.

**D.** Chiếm hơn 50% sản lượng lúa cả nước.

**Câu 11**: Diện tích đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng thu hẹp chủ yếu là do

**A.** đẩy mạnh đắp đê nên phù sa ít được bồi lấp **B.** thời gian mùa khô hạn ngày càng kéo dài.

**C.** chế độ nước của sông Mê Công thay đổi. **D.** mở rộng việc nuôi trồng thủy sản nước lợ.

**Câu 12**: Sự tương hỗ về kinh tế, kĩ thuật giữa vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, biểu hiện là

**A.** vùng Đông Nam Bộ với nền kinh tế năng động đã hỗ trợ cho Đồng bằng sông Cửu Long công nghệ chế biến, thị trường tiêu thụ nông sản và xuất khẩu.

**B.** Đông Nam Bộ xay sát lúa gạo, xuất khẩu nông sản cho Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Mặt hàng nông sản, thủy sản đông lạnh của Đồng bằng sông Cửu Long đã xuất khẩu qua cảng Sài Gòn của vùng Đông Nam Bộ.

**D.** công nhân có tay nghề của Đông Nam Bộ đã chi viện cho các xí nghiệp mới mở ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 13**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết hai đô thị nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị đặc biệt?

**A.** Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. **B.** Hà Nội và Hải Phòng.

**C.** Đà Nẵng và Cần Thơ. **D.** Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 14**: Ngành thủy sản của nước ta hiện nay đang phát triển theo hướng

**A.** ưu tiên phát triển khai thác hải sản xa bờ; đẩy mạnh nuôi trồng, chế biến thủy sản.

**B.** ưu tiên phát triển nuôi trồng và khai thác hải sản gần bờ.

**C.** ưu tiên phát triển nuôi trồng, cấm khai thác hải sản.

**D.** ưu tiên phát triển khai thác hải sản gần bờ.

**Câu 15**: Cho bảng số liệu. Nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khâu của nước ta, giai đoạn 2005 – 2016:



**A.** Giá trị xuất khẩu tăng, giá trị nhập khẩu giảm.

**B.** Giá trị xuât khẩu tăng nhanh hơn giá trị nhập khẩu.

**C.** Giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu.

**D.** Giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn giá trị xuất khẩu.

**Câu 16**: Năm 2002, sản lượng thủy sản của nước ta là 2647,4 nghìn tấn, trong đó sản lượng thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long là 1354,5 nghìn tấn. Vậy tỉ lệ (%) sản lượng thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** 53,2%. **B.** 50,2%. **C.** 52,2%. **D.** 51,2%.

**Câu 17**: Trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đất phù sa ngọt chủ yếu tập trung ở

**A.** dọc hai bên bờ sông Tiền, sông Hậu.

**B.** ven Biển Đông.

**C.** ven vịnh Thái Lan.

**D.** phía nam của vùng, thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.

**Câu 18**: Để nâng cao hệ số sử dụng đất trồng lúa ở nước ta hiện nay, giải pháp nào sau đây là cơ bản nhất?

**A.** Chủ động phòng chống thiên tai và sâu bệnh **B.** Đưa các giống năng suất cao vào sản xuất.

**C.** Phát triển thủy lợi nhằm đảm bảo nước tưới. **D.** Đẩy mạnh khai hoang mở rộng đất canh tác

**Câu 19**: Vùng kinh tế có diện tích lớn nhất nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Tây Nguyên.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 20**: Nơi cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho ngành công nghiệp chế biến ở Đông Nam Bộ là

**A.** Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ.

**B.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long.

**C.** Bắc Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long.

**D.** Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long.

**Câu 21**: Bảo vệ rừng trên thượng lưu các con sông ở Đông Nam Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Bảo vệ các hồ thủy điện trước sự bồi lắng phù sa

**B.** Hạn chế lũ lớn và xói mòn đất ở các vùng hạ lưu.

**C.** Bảo tồn tính đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường.

**D.** Tránh mất nước ở các hồ chứa, giữ mực nước ngầm

**Câu 22**: Giải pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

**A.** phát triển việc chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu. **B.** thay đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích.

**C.** phát triển thủy lợi và thay đổi cơ cấu mùa vụ. **D.** đa dạng hóa cây trồng và thâm canh tăng vụ.

**Câu 23**: Hạn chế lớn nhất về mặt dân cư, xã hội đối với phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

**A.** mật độ dân số tương đối cao so với trung bình cả nước.

**B.** mặt bằng dân trí chưa cao, mức độ đô thị hóa thấp.

**C.** dân cư phân bố không đều.

**D.** đời sống của một bộ phận khá đông dân cư còn nhiều khó khăn.

**Câu 24**: Vùng đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh để phát triển ngành nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản là do

**A.** biển ấm, ngư trường rộng, hải sản phong phú. **B.** dân số đông, nguồn lao động dồi dào.

**C.** hải sản phong phú. **D.** vùng có nhiều sông ngòi.

**Câu 25**: Đâu ***không phải*** thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên để phát triển ngành nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**A.** Khoáng sản chủ yếu là than bùn và đá vôi

**B.** Khí hậu tính chất cận xích đạo

**C.** Ngư trường rộng lớn có nhiều đảo và quần đảo thuận lợi cho khai thác hải sản

**D.** Đất đai phì nhiêu màu mỡ, kết hợp với địa hình thấp và bằng phẳng

**Câu 26:** Thuận lợi quan trọng nhất để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp là

**A.** mưa tập trung vào mùa hè.

**B.** mùa khô kéo dài thuận lợi cho phơi sấy sản phẩm.

**C.** đất bazan giàu dinh dưỡng và khí hậu mang tính chất cận xích đạo.

**D.** khí hậu ổn định, ít bão.

**Câu 27:** Các ngành công nghiệp quan trọng ở Tây Nguyên là

**A.** thủy điện và chế biến nông, lâm sản.

**B.** thủy điện và sản xuất vật liệu xây dựng.

**C.** chế biến nông, lâm sản và nhiệt điện.

**D.** chế biến nông, lâm sản và sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 27:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên?

**A.** Giáp biển Đông.

**B.** Giáp với Đông Nam Bộ.

**C.** Giáp với Lào và Campuchia.

**D.** Giáp Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 28.** Ý nào sau đây **không** đúng với tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên?

**A.** Đất đai màu mỡ.

**B.** Khí hậu đa dạng, rừng còn nhiều.

**C.** Nhiều tài nguyên khoáng sản.

**D.** Trữ năng thủy điện tương đối lớn

**Câu 29:** Ý nghĩa nào sau đây **không** đúng với điều kiện kinh tế xã hội của Tây Nguyên?

**A.** Là vùng thưa dân nhất cả nước.

**B.** Địa bàn cư chú của nhiều dân tộc ít người.

**C.** Nhiều lao động lành nghề, cán bộ khoa học kĩ thuật.

**D.** Mức sống của người dân còn thấp.

**Câu 30.** Các ngành công nghiệp quan trọng nhất ở Tây Nguyên là

**A.** thuỷ điện và chế biến nông - lâm sản.

**B.** chế biến nông - lâm sản và nhiệt điện.

**C.** thuỷ điện và sản xuất vật liệu xây dựng.

**D.** chế biến nông - lâm sản và sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 31.** Việc phát triển thủy điện ở Tây Nguyên **không** có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Cung cấp nước tưới vào mùa khô.

**B.** Sử dụng cho mục đích phát triển du lịch.

**C.** Phát triển nuôi trồng thủy sản.

**D.** Giải quyết việc làm cho lao động.

**Câu 32.** Đặc điểm nào sau đây đúng với khí hậu của Tây Nguyên?

**A.** Xích đạo gió mùa nóng quanh năm.

**B.** Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

**C.** Nhiệt đới ẩm gió mùa phân hóa theo độ cao.

**D.** Cận xích đạo gió mùa với một mùa mưa và một mùa khô kéo dài.

**Câu 33.** Mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển kinh tế- xã hội ở Tây Nguyên là:

**A.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

**B.** đẩy mạnh khai thác khoáng sản, thủy điện.

**C.** mở rộng diện tích cây công nghiệp lâu năm.

**D.** tăng cường khai thác và chế biến lâm sản.

**Câu 34.** Điều kiện thuận lợi cho vùng Tây Nguyên hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn là

**A.** đất đỏ ba-dan giàu dinh dưỡng phân bố tập trung với mặt bằng rộng lớn.

**B.** khí hậu cận xích đạo với hai mùa mưa và khô rõ rệt, phân hóa theo độ cao.

**C.** khí hậu cận xích đạo, có nguồn nước trên mặt và nước ngầm khá phong phú.

**D.** mùa khô kéo dài là điều kiện thuận lợi để phơi sấy sản phẩm cây công nghiệp.

**Câu 35.** Ở Tây Nguyên, vấn đề đặt ra đối với hoạt động chế biến lâm sản là

**A.** khai thác rừng hợp lí đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng mới

**B.** ngăn chặn nạn phá rừng bừa bãi, đốt rừng làm nương rẫy.

**C.** đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng cho các hộ nông dân.

**D.** đẩy mạnh chế biến gỗ tại địa phương, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn

**Câu 36.** Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ VÀ TÂY NGUYÊN NĂM 2014

 *(Đơn vị : %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Đất sản xuất nông nghiệp** | **Đất lâm nghiệp** | **Đất chuyên dùng** | **Đất ở** |
| Trung du miền núi Bắc Bộ | 19,7 | 75,2 | 3,6 | 1,5 |
| Tây Nguyên | 39,4 | 55,3 | 4,2 | 1,1 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)*

Để thể hiện cơ cấu sử dụng đất ở Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên, năm 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột.

**B.** Đường.

**C.** Kết hợp.

**D.** Tròn.

**Câu 37** Vấn đề cần quan tâm khi khai thác tiềm năng thủy điện ở Tây Nguyên là:

**A.** Phát triển nhà máy thủy điện phải gần các trung tâm công nghiệp.

**B.** Phát triển nhà máy thủy điện phải gắn liền với điểm dân cư.

**C.** Chú trọng đến sự thay đổi môi trường và cuộc sống của người dân.

**D.** Xây dựng các nhà máy thủy điện phải đảm bảo an ninh quốc phòng.

**Câu 38.** Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG ĐÀN TRÂU, BÒ MỘT SỐ VÙNG Ở NƯỚC TA, NĂM 2011

 *(Đơn vị: nghìn con)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vật nuôi** | **Cả nước** | **Trung du và miền núi Bắc Bộ** | **Tây Nguyên** |
| Trâu | 2 712,0 | 1 506,2 | 90,7 |
| Bò | 5 436,6 | 924,7 | 689,0 |

  *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2012, NXB Thống kê, 2013)*

Đàn trâu, bò ở Tây Nguyên lần lượt chiếm tỉ lệ là

**A.** 17,0% và 55,5%.

**B.** 3,3% và 12,8%.

**C.** 12,8% và 3,3%.

**D.** 55,5% và 17,0%.

**Câu 39.** Cho bảng số liệu:

MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

VÀ TÂY NGUYÊN NĂM 2016

*(Đơn vị: người/km2)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Các vùng** | **Mật độ dân số** |
| Đồng bằng sông Hồng | 1320 |
| Tây Nguyên | 104 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Căn cứ vào kết quả xử lí số liệu từ bảng trên, cho biết mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng lớn hơn bao nhiêu lần so với Tây Nguyên?

**A.** 10,7 lần.

**B.** 12,7 lần.

**C.** 11,7 lần.

**D.** 13,7 lần.

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Tại sao vùng Đông Nam Bộ có sức thu hút mạnh đầu tư nước ngoài ?

**Câu 2:** Tại sao các tuyến du lịch từ thành phố Hồ Chí Minh đến Đà Lạt, Nha Trang,

Vũng Tàu quanh năm hoạt động nhộn nhịp ?

**Câu 3:** Bằng kiến thức đã học, cho biết từ TP.HCM đi đến các tỉnh khác như Đà Lạt,

Vũng Tàu, Nha Trang, Hà Nội bằng tuyến đường nào?

**Câu 4:** Vùng Đông Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi gì để phát triển các ngành dịch

vụ?

**Câu 5:** Trình bày vị trí địa lý của đồng bằng sông Cửu Long nêu những thế mạnh về tài

nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế- xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 6:** Điều kiện tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long có những thuận lợi, khó khăn gì trong phát triển kinh tế?

**Câu 7:** Nêu những khó khăn chính về mặt tự nhiên và giải pháp khắc phục ở đồng

bằng sông Cửu Long ?

**Câu 8:** Tại sao vùng đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh phát triển nghề nuôi trồng

và đánh bắt thủy sản ?

 **Câu 9:** Cho bảng số liệu :

**SẢN LƯỢNG MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM Ở NƯỚC TA , NĂM 2017**

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại cây** | **Sản lượng ( nghìn tấn)** |
| Điều | 215,8 |
| Cao su | 1.094,5 |
| Cà phê | 1.577,2 |
| Chè | 972,0 |
| Hồ tiêu | 252,6 |

 www. gso.gov.vn

a) Hãy vẽ biểu đồ hình cột thể hiện sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm ở nước ta trong năm 2017

b) Nhận xét biểu đồ đã vẽ

**----Hết---**